

Số: 2108 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm 12, mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số biện pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

*Căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 184-TB/VPTU ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Tỉnh ủy Thông báo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương ban hành chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) và đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

Căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 568/HĐND-CTHĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc phúc đáp nội dung Tờ trình số 2988/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) theo quy định tại điểm 12, mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) làm một trong những công việc sau:

- Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định.
- Tiêu thương tại các chợ truyền thống.
- Bán lẻ xô số lưu động.
- Thợ xây dựng nhà (*thợ hồ, điện, nước, sơn*), người chạy “xe ôm” hoạt động tại thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi phải dừng hoạt động do thực hiện

giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, gặp khó khăn về kinh tế.

- Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực: Ăn uống, lưu trú, lễ hành, dịch vụ du lịch, các điểm du lịch, vận tải du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí thiếu nhi, spa, cơ sở làm đẹp, karaoke, massage, các điểm kinh doanh trò chơi điện tử, dịch vụ internet, phòng tập gym, phòng tập yoga, phòng chiếu phim, quán bida, phòng tập aerobic, quán hát với nhau, cắt tóc máy lạnh, hồ bơi, vận tải hành khách, hàng hóa.

- Giáo viên, nhân viên (*bảo mẫu, cấp dưỡng, bảo vệ, vệ sinh*) trong các cơ sở giáo dục thuộc các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập.

2. Điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, phương thức chi hỗ trợ

- Người lao động đang cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Cư trú đang gặp khó khăn về kinh tế do bị mất việc làm liên tục từ 15 ngày trở lên vì phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng chống dịch COVID-19, từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và có đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định.

- Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người.

- Phương thức chi hỗ trợ: Chi hỗ trợ 01 lần cho người lao động.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

- Người lao động có nhu cầu hỗ trợ gửi Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này đến UBND cấp xã nơi cư trú hợp pháp. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

- Cứ mỗi 03 ngày, UBND cấp xã rà soát và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ gửi UBND cấp huyện; sau 02 ngày kể từ khi nhận được danh sách do UBND cấp xã gửi, UBND cấp huyện hoàn thành việc thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh; UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ sau 02 ngày kể từ khi nhận được danh sách đề nghị của UBND cấp huyện. Thực hiện cho đến khi không còn đối tượng được hỗ trợ theo quy định.

- Căn cứ danh sách và kinh phí hỗ trợ được UBND tỉnh phê duyệt, UBND cấp huyện chỉ đạo thực hiện chi hỗ trợ cho người lao động.

Điều 2. Ngoài các đối tượng quy định tại Điều 1, nếu phát sinh đối tượng lao động đặc thù khác cần hỗ trợ, các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định tại tiết c, điểm 8 mục III Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tham gia phổ biến, phối hợp triển khai và giám sát việc thực hiện Quyết định này.

3. Trước ngày 22 hằng tháng, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (*qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương theo quy định.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VP, TH, KGVXNV, Th.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Phong